

Bản án số: 08/2024/HS-ST

Ngày 13 – 3 – 2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀNG ĐỊNH, TỈNH LẠNG SƠN

- *Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Bảy.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lãng Văn Viên;

Ông Nguyễn Văn Sơn.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bé Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:* Ông Hoàng Trường Sinh - Kiểm sát viên và bà Nông Hải Y – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 08/2024/TLST - HS ngày 05 tháng 02 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/QĐXXST-HS, ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn đối với các bị cáo:

**1. Dương Thiên Mỹ T**, tên gọi khác: Không; sinh ngày 07 tháng 6 năm 1981, tại tỉnh Quảng Ngãi. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Thái L (đã chết) và bà Triệu Thị S; có chồng là Trần Triệu B và có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/11/2023 đến nay, có mặt.

**2. Lê Minh H**, tên gọi khác: Không; sinh ngày 17 tháng 02 năm 1991, tại tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: K, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Chỗ ở hiện nay: Số G, đường N, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Trường S1 và bà Nguyễn Thị L1; có vợ là Nguyễn Thu T1 và có 02 con, con lớn sinh năm 2017,

con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/11/2023 đến nay, có mặt.

**3. Chu Thị H1**, tên gọi khác: Không; sinh ngày 14 tháng 01 năm 1982, tại tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Công chức Hội liên hiệp phụ nữ huyện T; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Hải C (đã chết) và bà Bé Thị H2; có chồng là Nông Cao T2 và có 03 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/11/2023 đến nay, có mặt.

**4. Hà Minh D**, tên gọi khác: Không; sinh ngày 25 tháng 10 năm 1983, tại tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu N, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Chỗ ở hiện nay: Số G, đường B, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Minh C1 (đã chết) và bà Lào Thị M; có vợ là Nguyễn Thị Thanh H3 và có 03 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 19/7/2005 gây rối trật tự công cộng bị Đoàn Công an thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền 125.000 đồng; Ngày 31/12/2012 kinh doanh rượu nhập lậu bị Công an thành phố L, tỉnh Lạng Sơn lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền 8.500.000 đồng; Ngày 18/9/2003 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt 09 tháng tù giam về tội Cố ý gây thương tích; Ngày 27/4/2011 bị Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn xử phạt 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 55 tháng về tội Cố ý gây thương tích; Ngày 09/5/2014 bị Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam xử phạt 04 năm 03 tháng 15 ngày tù giam về tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật (đều đã được xóa án tích); bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/11/2023 đến nay, có mặt.

**5. Thái Sơn H4**, tên gọi khác: Không; sinh ngày 20 tháng 7 năm 1991, tại thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số G, đường N, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thái Sơn T3 và bà Hoàng Thị H5; có vợ là Đỗ Thị Thùy T4 và có 02 con, con lớn sinh năm 2020, con nhỏ sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 22/5/2019 bị Công an huyện T lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe người khác, phạt tiền 2.500.000 đồng theo quyết định số 70/QĐ-XPHC ngày 24/6/2019 (đã chấp hành xong); bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/11/2023 đến nay, có mặt.

**6. Trình Mạnh P**, tên gọi khác: Không; sinh ngày 01 tháng 7 năm 1994, tại tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số A, ngõ C, đường N, khối I, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 10/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trình A T5 và bà Trình Kim N; vợ, con chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/11/2023 đến nay, có mặt.

**7. Đàm Văn C2**, tên gọi khác: Không; sinh ngày 22 tháng 12 năm 1992, tại tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Chỗ ở hiện nay: Số H, ngõ B, đường B, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đàm Văn M1 và bà Nguyễn Thị L2; có vợ là Nguyễn Tuyết T6 và có 01 con sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 22/5/2019 bị Công an huyện T lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe người khác, phạt tiền 2.500.000 đồng theo quyết định số 71/QĐ-XPHC ngày 24/6/2019 (đã chấp hành xong); bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/12/2023 đến nay, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Không Văn H6, sinh năm 1983, vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

2. Bà Lê Thị T7, sinh năm 1982, vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn Nà Pài, xã Đề Thám, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn

3. Bà Đặng Thị K, sinh năm 1975, vắng mặt;

Địa chỉ: Khu A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

4. Ông Đàm Văn L3, sinh năm 1987, vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

5. Ông Đoàn Văn S2, sinh năm 1975, có mặt;

Địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện T, tỉnh Lạng Sơn

6. Ông Vương Thành N1, sinh năm 1991, vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

7. Ông Triệu Văn N2, sinh năm 1979, vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Qua công tác nắm tình hình, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L xác định Dương Thiên Mỹ T, Chu Thị H1, Hà Minh D và Lê Minh H có biểu hiện về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, vì vậy ngày 15/11/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L đã ra Lệnh khám xét khẩn cấp các địa điểm nghi vấn phạm tội thu giữ một số giấy tờ, sổ sách liên quan, đồng thời lấy lời khai những người liên quan xác định năm 2019 T, H1, D, H thống nhất góp tiền, mỗi người 100.000.000 đồng để mở cửa hàng dịch vụ cho vay tiền với lãi suất từ 3.000 đồng - 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, lợi nhuận chia đều cho cả 04 người và thuê nhà của T tại địa chỉ số F, C, khu C, thị trấn T huyện T để mở cửa hàng lấy tên "A là có tiền" và thuê Thái Sơn H4, Trình Mạnh P, Đàm Văn C2 giúp hướng dẫn khách đến vay tiền, làm thủ tục vay, thu nợ, đốc nợ, thống kê, quản lý sổ sách và báo cáo lại số liệu cho T, H1, D, H mỗi tháng một lần.

Từ năm 2019 đến tháng 7/2023 T, H1, H, D thông qua cửa hàng "Alo là có tiền" đã cho 07 người vay theo hình thức lãi ngày từ 3.000 đồng - 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương lãi suất từ 109,5% - 182,5 %/năm, cụ thể: Ngày 15/01/2019, Khổng Văn H6 vay số tiền 60.000.000 đồng, với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày; đến ngày 15/8/2019, H6 đã trả xong tiền vay gốc và trả lãi là 38.160.000 đồng. Tiền lãi hợp pháp mà T, H1, H, D được hưởng là  $547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng}/\text{ngày} \times 212 \text{ ngày} \times 60.000.000 \text{ đồng} = 6.969.924 \text{ đồng}$ , số tiền thu lợi bất chính là 31.190.076 đồng; sau đó, D rút vốn và không tham gia góp vốn. T, Hậu H7 tiếp tục tham gia và cho vay, cụ thể: Ngày 12/11/2022, Lê Thị T7 vay số tiền 15.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày; đến ngày 09/7/2023, T7 đã trả được 10.300.000 đồng tiền lãi, còn nợ tiền vay gốc. Tiền lãi hợp pháp mà T, H1, H7 được hưởng là  $547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng}/\text{ngày} \times 15.000.000 \text{ đồng} \times 240 \text{ ngày} = 1.972.620 \text{ đồng}$ , số tiền thu lợi bất chính là 8.327.380 đồng; Ngày 08/11/2022, Đặng Thị K vay số tiền 15.000.000 đồng, với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày; đến ngày 04/8/2023, K đã trả được 18.250.000 đồng tiền lãi và còn nợ tiền vay gốc, hai bên thống nhất không tiếp tục tính lãi khoản vay. Tiền lãi hợp pháp mà T, H1, H7 được hưởng là  $547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng}/\text{ngày} \times 5.000.000 \text{ đồng} \times 270 \text{ ngày} = 2.219.197 \text{ đồng}$ , số tiền thu lợi bất chính là 16.030.803 đồng; Ngày 02/12/2022, Đàm Văn L3 vay số tiền 10.000.000 đồng, với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày; đến ngày 29/7/2023, L3 đã trả được 7.200.000 đồng tiền lãi. Tiền lãi hợp pháp mà T, H1, H7 được hưởng là  $547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng}/\text{ngày} \times 10.000.000 \text{ đồng} \times 240 \text{ ngày} = 1.315.080 \text{ đồng}$ , số tiền thu lợi bất chính là 5.884.920 đồng; Ngày 30/5/2023, Đoàn Văn S2 vay số tiền 8.000.000 đồng, với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày; đến ngày 28/6/2023, S2 đã trả được 1.200.000 đồng tiền lãi. Tiền lãi hợp pháp mà T, H1, H7 được hưởng là

547,95 đồng/1.000.000 đồng/ngày x 8.000.000 đồng x 30 ngày = 131.508 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.068.492 đồng; Ngày 24/5/2023, Vương Thành N1 vay số tiền 5.000.000 đồng, với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày; đến ngày 30/9/2023, N1 đã trả được 3.250.000 đồng tiền lãi và đã trả xong tiền vay gốc. Tiền lãi hợp pháp mà T, H1, H7 được hưởng là 547,95 đồng/1.000.000 đồng/ngày x 5.000.000 đồng x 130 ngày = 356.168 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.893.832 đồng; Ngày 14/7/2023, Triệu Văn N2 vay số tiền 3.000.000 đồng, với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày; đến ngày 21/9/2023, N2 đã trả được 1.050.000 đồng tiền lãi và đã trả xong tiền vay gốc. Tiền lãi hợp pháp mà T, H1, H7 được hưởng là 547,95 đồng/1.000.000 đồng/ngày x 3.000.000 đồng x 70 ngày = 115.070 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 934.930 đồng. Tổng số tiền Dương Thiên Mỹ T, Lê Minh H, Chu Thị H1 đã thu lợi bất chính khi cho 07 người nêu trên vay tiền là 66.330.433 đồng.

Quá trình điều tra xác định Hà Minh D tuy tham gia góp tiền từ đầu, nhưng chỉ cho Khổng Văn H6 vay số tiền 60.000.000 đồng vào ngày 15/01/2019 với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương lãi suất 109,5%/năm, thu lợi bất chính là 31.190.076 đồng và được Thái Sơn H4, Đàm Văn C2 giúp sức cho vay, đôn đốc, thu nợ; sau đó D rút vốn, không tham gia cho vay lãi nặng cùng với T, H, H1. Trình Mạnh Phi giúp sức cho T, H, H1 cho Lê Thị T7, Đặng Thị K, Đàm Văn L3, Đoàn Văn S2, Vương Thành N1, Triệu Văn N2 vay tổng số tiền 56.000.000 đồng, với lãi suất 3.000 đồng - 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương 109,5% - 182,5 %/năm, thu lợi bất chính tổng số tiền là 35.140.357 đồng

Tại bản Cáo trạng số 24/CT-VKSLS-P1 ngày 01/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Dương Thiên Mỹ T, Lê Minh H, Chu Thị H1, Hà Minh D, Thái Sơn H4, Trình Mạnh P, Đàm Văn C2 phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai và thừa nhận vì tư lợi mà thực hiện hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố. Các bị cáo Lê Minh H, Chu Thị H1, Dương Thiên Mỹ T, Hà Minh D khai mỗi người góp 100.000.000 đồng làm gốc để cho vay lãi nặng, lãi chia đều. Ngoài ra, bị cáo Lê Minh H, Dương Thiên Mỹ T, Chu Thị H1 đều thừa nhận được chia lợi nhuận tiền lãi trong hạn mỗi bị cáo là 3.779.029 đồng và lãi quá hạn là 19.510.971 đồng; Riêng bị cáo Hà Minh D thừa nhận rút khỏi nhóm sớm nên được chia lãi trong hạn là 1.742.481 đồng và 7.797.519 đồng lãi quá hạn. Các bị cáo đều khẳng định có đủ điều kiện để thực hiện hình phạt chính là hình phạt tiền và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Các bị cáo T, D, H1 khai đã nộp được tổng số tiền là 469.540.000 đồng để khắc phục hậu quả.

Công bố lời khai của người liên quan: Soạn, L3, K, T7 đều thừa nhận chưa trả cho các bị cáo nợ gốc tổng là 48.000.000 đồng và đã trả lãi vượt quá là 31.311.595 đồng. Nhưng yêu cầu nếu các bị cáo T, H, H1 đã nộp vào Ngân sách Nhà nước tổng số tiền góp vốn ban đầu đã bao gồm cả số nợ vay là 48.000.000 đồng chưa trả thay cho họ thì người liên quan không yêu cầu các bị cáo phải trả cho họ số tiền lãi quá hạn để khấu trừ là 31.311.595 đồng. Các bị cáo T, H, H1 nhất trí với ý kiến của người liên quan.

Công bố lời khai của người liên quan Hường, N1, N2 thì họ không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền lãi vượt quá là 35.018.838 đồng.

Tại phần luận tội, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên phần Cáo trạng truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị áp dụng Điều 17, Điều 35, Điều 50, Điều 58, khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo; áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với Dương Thiên Mỹ T, Chu Thị H1; áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với Hà Minh D; áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với Lê Minh H, Trình Mạnh P, Đàm Văn C2, Thái Sơn H4;

Xử phạt hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo: Dương Thiên Mỹ T, Chu Thị H1, Lê Minh H, Hà Minh D mỗi bị cáo từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng; các bị cáo Thái Sơn H4, Trình Mạnh P, Đàm Văn C2 mỗi bị cáo từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng.

Xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 46, 47 Bộ luật hình sự, Điều 5 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: Buộc các bị cáo Dương Thiên Mỹ T, Chu Thị H1, Lê Minh H, mỗi bị cáo nộp vào ngân sách nhà nước 100.000.000 đồng là số tiền gốc bị cáo dùng để cho vay là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội, số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/ năm là 3.779.029 đồng, số tiền 9.073.773 đồng là số tiền thu lợi bất chính mà những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Không Văn H6, Vương Thành N1 và Triệu Văn N2 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Buộc bị cáo Hà Minh D nộp vào ngân sách nhà nước 100.000.000 đồng là số tiền gốc bị cáo dùng để cho vay là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội, số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/ năm là 1.742.481 đồng, số tiền 7.797.519 đồng là số tiền thu lợi bất chính mà những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Không Văn H6 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Đề nghị tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước 05 điện thoại di động là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội. Ngoài ra, đề nghị trả lại giấy tờ cá nhân cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đoàn Văn S2.

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo T, H, H1 và người liên quan S2, L3, K, T7. Theo đó, các bị cáo T, H, H1 tự nguyện nộp số tiền 48.000.000 đồng thay cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Đồng thời, Lê Thị T7, Đặng Thị K, Đàm Văn L3, Đoàn Văn S2 thỏa thuận bù trừ nghĩa vụ đối với các bị cáo số tiền 31.311.595 đồng là tổng số tiền thu lợi bất chính khi các bị cáo cho T7, K, L3, S2 vay.

Đối với số tiền các bị cáo D, T, H1 nộp để khắc phục hậu quả tại cơ quan Thi hành án dân sự được tạm giữ để bảo đảm thi hành án. Về án phí, các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Phản tranh luận: Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với Đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt tiền.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên tỉnh Lạng Sơn trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và đã có đơn xin xét xử vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự tiếp tục xét xử.

[3] Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, phù hợp với diễn biến khách quan của vụ án, đủ căn cứ khẳng định: Từ năm 2019 đến tháng 7/2023, Dương Thiên Mỹ T, Lê Minh H, Chu Thị H1 đã cho 07 người trên địa bàn huyện T, tỉnh Lạng Sơn vay tiền dưới hình thức lãi ngày với tổng số tiền vay là 116.000.000 đồng, với lãi suất 3.000 đồng - 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương 109,5% - 182,5 %/năm, thu lợi bất chính 66.330.433 đồng. Hà Minh D với sự giúp sức của Thái Sơn H4, Đàm Văn C2 cho 01 người vay số tiền 60.000.000 đồng, lãi suất 109,5%, thu lợi bất chính số tiền 31.190.076 đồng.

Trình Mạnh P giúp sức trong việc cho 06 người vay tổng số tiền 56.000.000 đồng, thu lợi bất chính tổng số tiền là 35.140.357 đồng. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 201 của Bộ luật Hình sự như Cáo trạng đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa và đề có mức án phù hợp với hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đủ nhận thức và thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Do đó các bị cáo phải bị tuyên là có tội và chịu mức hình phạt tương xứng.

[5] Để cá thể hóa hình phạt, Hội đồng xét xử đánh giá về vai trò của các bị cáo, tính chất vụ án, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, thấy rằng: Các bị cáo Dương Thiên Mỹ T, Lê Minh H, Chu Thị H1, Hà Minh D đều là người có vai trò cao nhất, cùng nhau góp tiền mở cửa hàng và quyết định mọi việc, do đó các bị cáo phải có hình phạt cao hơn so với các bị cáo khác, nhưng bị cáo Hà Minh D có vai trò thấp hơn trong các bị cáo góp vốn, nhưng là người có nhân thân xấu.

[6] Đối với các bị cáo Thái Sơn H4, Trình Mạnh P, Đàm Văn C2 có vai trò giúp sức và thực hành, giúp hướng dẫn khách đến vay tiền, làm thủ tục vay, thu nợ, đốc nợ, thống kê, quản lý sổ sách và báo cáo số liệu cho các bị cáo T, H1, D, H mỗi tháng một lần. Thái Sơn H4, Đàm Văn C2 giúp sức trong việc cho 01 người vay nhưng với số tiền lớn nhất, Trình Mạnh P giúp sức trong việc cho 06 người vay với những người vay số tiền nhỏ.

[7] Ngoài ra, xét các tình tiết về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, thấy rằng: Các bị cáo trong vụ án đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; các bị cáo Dương Thiên Mỹ T, Lê Minh H, Chu Thị H1, Trình Mạnh P, Đàm Văn C2, Thái Sơn H4 có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo Dương Thiên Mỹ T, Chu Thị H1, Hà Minh D đã khắc phục toàn bộ hậu quả nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự có bị cáo Dương Thiên Mỹ T có bố đẻ là ông Dương Thái L được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng Nhì, bị cáo Chu Thị H1 được Ủy ban nhân dân huyện T tặng giấy khen do có thành tích xuất sắc trong thực hiện cài đặt, kích hoạt tài khoản định danh điện tử trên địa bàn huyện T, có chồng là ông Nông Cao T2 được Nhà nước tặng thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang và Bằng khen của Bộ trưởng Bộ C3.



[8] Về hình phạt: Trên cơ sở đánh giá, Hội đồng xét xử nhận thấy tại phiên tòa các bị cáo đều khẳng định có điều kiện để áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền, ngoài ra các bị cáo phạm tội vì mục đích tư lợi, lợi nhuận bất hợp pháp. Do đó, các bị cáo cần phải áp dụng hình phạt tiền làm hình phạt chính để các bị cáo thấy được hành vi cho vay lãi nặng sẽ bị trừng trị bằng hình phạt tiền với mức mức cao vừa răn đe giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội này.

[9] Căn cứ theo hướng dẫn tại Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, cần áp dụng các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng là tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm. Do đó, cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền gốc 400.000.000 đồng để cho vay và số tiền lãi hợp pháp tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm, theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự) mà các bị cáo đã thu của những người vay do là công cụ phương tiện thực hiện tội phạm, cụ thể: Các bị cáo Dương Thiên Mỹ T, Chu Thị H1, Lê Minh H và Hà Minh D mỗi người 100.000.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước (bao gồm cả số tiền 48.000.000 của người liên quan S2, L3, K, T7 còn nợ chưa trả cho các bị cáo T, H, H1). Tịch thu toàn bộ số tiền lãi trong hạn của các bị cáo Dương Thiên Mỹ T; Chu Thị H1; Lê Minh H, Hà Minh D là 13.079.568 đồng (trong đó Dương Thiên Mỹ T; Chu Thị H1; Lê Minh H mỗi người 3.779.029 đồng và Hà Minh D là 1.742.481 đồng); tịch thu số tiền lãi quá hạn mà những người liên quan Hường, N1, N2 từ chối nhận lại là 35.018.838 đồng (trong đó: Dương Thiên Mỹ T; Chu Thị H1; Lê Minh H mỗi người là 9.073.773 đồng, Hà Minh D 7.797.519 đồng). Tổng số tiền tịch thu của mỗi bị cáo T, H1, H là 112.852.802 đồng; Tịch thu của bị cáo D tổng số tiền là 109.540.000 đồng.

[10] Ghi nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo T, H, H1 và người liên quan S2, L3, K, T7; theo đó, các bị cáo T, H, H1 thay người liên quan nộp lại số tiền cho vay chưa trả gốc là 48.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước, đồng thời người liên quan không nhận lại số tiền lãi quá hạn là 31.311.595 đồng. Xác nhận các bị cáo T, D, H1 đã nộp được tổng số tiền là 469.540.000 đồng tại cơ quan Thi hành án dân sự.

[11] Về xử lý vật chứng, áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu hóa giá sung ngân sách nhà nước tài sản dùng vào việc phạm tội, tài sản thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội mà có, trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giấy tờ cá nhân.

[12] Các bị cáo là người bị kết án thì phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội và các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[13] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận những ý kiến phù hợp, không chấp nhận ý kiến trái với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 201; Điều 17; Điều 35; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Dương Thiên Mỹ T, Chu Thị H1, Lê Minh H, Hà Minh D, Trình Mạnh P, Đàm Văn C2, Thái Sơn H4. Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 với các bị cáo Dương Thiên Mỹ T, Chu Thị H1, Lê Minh H, Trình Mạnh P, Đàm Văn C2, Thái Sơn H4. Áp dụng thêm điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với Dương Thiên Mỹ T và Chu Thị H1; áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với Hà Minh D.

Căn cứ khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**1. Về tội danh:** Tuyên bố các bị cáo Dương Thiên Mỹ T, Lê Minh H, Chu Thị H1, Hà Minh D, Thái Sơn H4, Trình Mạnh P, Đàm Văn C2 phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

**2. Về hình phạt:**

- 2.1. Xử phạt bị cáo Dương Thiên Mỹ T 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng.
- 2.2. Xử phạt bị cáo Chu Thị H1 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng.
- 2.3. Xử phạt bị cáo Hà Minh D 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng.
- 2.4. Xử phạt bị cáo Lê Minh H 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng.
- 2.5. Xử phạt bị cáo Thái Sơn H4 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng
- 2.6. Xử phạt bị cáo Trình Mạnh P 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng
- 2.7. Xử phạt bị cáo Đàm Văn C2 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

**3. Về xử lý vật chứng:**

3.1. Tịch thu hóa giá sung vào ngân sách Nhà nước:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu trắng, máy cũ đã qua sử dụng, số IMEI: 354858091515356, bên trong có gắn 01 sim điện thoại nhà mạng Viettel của Thái Sơn H4.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Mini, màu đen, máy cũ đã qua sử dụng, số IMEI: 354457521986970 của Trình Mạnh P.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax, màu xanh, máy cũ đã qua sử dụng, số IMEI: 356389951349023 của Dương Thiên Mỹ T.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8, màu trắng, máy cũ đã qua sử dụng, số IMEI: 352977095795418 của Lê Minh H.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax, màu vàng gold, máy cũ đã qua sử dụng, số IMEI: 358612419330840 của Chu Thị H1

3.2. Tịch thu (truy thu) từ các bị cáo:

- Tịch thu của các bị cáo T, H1, H mỗi người 112.852.802 đồng; Tịch thu của bị cáo D tổng số tiền là 109.540.000 đồng.

- Xác nhận bị cáo Dương Thiên Mỹ T và Chu Thị H1 mỗi người đã nộp 180.000.000 đồng, bị cáo Hà Minh D đã nộp số tiền 109.540.000 đồng Tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Định. Tạm giữ toàn bộ số tiền đã nộp để bảo đảm thi hành án.

3.3. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo T, H, H1 và người liên quan S2, L3, K, Thùy theo đó, các bị cáo T, H, H1 thay người liên quan nộp lại số tiền cho vay chưa trả gốc là 48.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước, đồng thời người liên quan không nhận lại số tiền lãi quá hạn là 31.311.595 đồng.

3.4. Trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Văn S2: 01 (một) Căn cước công dân số 020075007857 mang tên Đoàn Văn S2; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 12002700 mang tên Đoàn Văn S2, biển kiểm soát 12T1-224.61.

*(Vật chứng được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Định, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/02/2024 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Định và Công an tỉnh L)*

4. Về án phí: Buộc các bị cáo mỗi người phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung vào Ngân sách Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Trảng Định;
- Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Trảng Định;
- Các bị cáo;
- NCQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Bảy**